

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ N
TỈNH NAM ĐỊNH
Bản án số: 56/2021/HSST
Ngày: 18-3-2021

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đoàn Hồng Hải.

Bà Vương Thị Minh Tân.

- T ký phiên tòa: Ông Hoàng Anh Tuấn - T ký Tòa án nhân dân thành phố N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2021; tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 50/2021/TLST-HS ngày 04 tháng 02 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2021/QĐ-HSST ngày 04-3-2021 đối với bị cáo:

Phạm Văn T - sinh năm 1968 tại tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: Thôn T, xã M, huyện T, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hoá: 8/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn L và bà Ngô Thị T; có vợ và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11-12-2020 (Có mặt).

Người làm chứng:

1. Ông Bùi Văn T - sinh năm 1964 (Vắng mặt).

2. Ông Đỗ Văn T - sinh năm 1965 (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 10-12-2020, tổ công tác Công an phường C, thành phố N làm nhiệm vụ tại khu vực đầu ngõ rẽ vào tổ 29 T, đường đê sông Đ, phường T, thành phố N phát hiện Phạm Văn T đang đi bộ một mình có biểu hiện nghi vấn nên đã yêu cầu kiểm tra. Quá trình kiểm tra, T tự giác giao nộp từ tay trái 01 gói nhỏ ni lông màu xanh bên trong là gói giấy bạc màu trắng chứa chất bột dạng cục màu trắng (T khai là 01 gói Heroine). Tổ công tác đã tiến hành niêm phong vật chứng, đưa T và mời người làm chứng về trụ sở Công an phường C, thành phố N lập biên bản bắt người phạm tội quả tang theo quy định của pháp luật. Ngoài ra còn tạm giữ của T 01 điện thoại di động Nokia màu đen đã cũ.

Bản kết luận giám định số 1266/GĐKTHS ngày 15-12-2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định kết luận: Mẫu bột dạng cục màu trắng trong 01 gói giấy bạc màu trắng thu giữ của Phạm Văn T được niêm phong gửi giám định là ma túy, loại ma túy Heroine; Khối lượng mẫu: 0,163 gam (Không phải một sáu ba gam).

Tại Cơ quan điều tra: Phạm Văn T khai nhận hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy mục đích để sử dụng và khai nhận nguồn gốc gói ma túy trên như sau: Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 10-12-2020, T đi xe ôm một mình từ nhà sang thành phố N để tìm mua ma túy. Khi đến khu vực bờ đê sông Đ, phường T, thành phố N T xuống xe rồi đi bộ một mình vào một ngõ nhỏ ở tổ 29 T, phường T, thành phố N gặp và mua của một người phụ nữ (Không rõ lai lịch) đang đứng trong ngõ 01 gói ma túy với giá 150.000 đồng. Sau đó, T cầm gói ma túy trên tay trái đi bộ đến khu vực đầu ngõ rẽ vào tổ 29 T, đường đê sông Đ, phường T, thành phố N thì bị phát hiện bắt giữ như đã nêu trên.

Bản Cáo trạng số 50/CT-VKSTPNĐ ngày 02-02-2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố N truy tố Phạm Văn T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: Bị cáo Phạm Văn T xác nhận trong quá trình điều tra, truy tố không bị Cơ quan tiến hành tố tụng ép cung, bức cung hay dùng nhục hình. Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố là đúng và khai nhận biết rõ hành vi cất giữ trái phép ma túy là vi phạm pháp luật, bị Nhà nước nghiêm cấm nhưng do nghiện ma túy nên đã tàng trữ với mục đích sử dụng cho bản thân. Bị cáo không khai báo thêm tình tiết mới và ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N luận tội và tranh luận: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Phạm Văn T theo toàn bộ nội dung bản Cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo từ 18 (Mười tám) tháng tù đến 21 (Hai một) tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

- Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy số ma túy đã thu giữ của bị cáo. Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại Nokia màu đen nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận. Bị cáo nói lời sau cùng: đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau: Lời khai nhận tội của bị cáo Phạm Văn T có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình, không có sự mâu thuẫn và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ như biên bản bắt người phạm tội quả tang; biên bản thu giữ vật chứng; lời khai của những người làm chứng; bản kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nam Định và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ nên đã có đủ cơ sở kết luận khoảng 19 giờ ngày 10-12-2020, tại khu vực đầu ngõ rẽ vào tổ 29 T, đường đê sông Đ, phường T, thành phố N, Phạm Văn T đã có hành vi tàng trữ trái phép 0,163 gam Heroine để sử dụng thì bị phát hiện bắt giữ. Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, gây mất trật tự an ninh xã hội trên địa bàn thành phố N, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý chất ma túy của Nhà nước. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi tàng trữ ma túy của mình là vi phạm pháp luật, bị Nhà nước nghiêm cấm nhưng vẫn cố ý trực tiếp

thực hiện hành vi phạm tội. Như vậy, việc truy tố và đưa ra xét xử bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự là đúng người đúng tội.

[3] Các tình tiết Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi Quyết định hình phạt đối với bị cáo:

[3.1] Về tình tiết giảm nhẹ: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên toà, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[3.2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Từ những phân tích, đánh giá nêu trên đối với hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn để cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo và góp phần phòng ngừa chung.

[5] Về hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 249 của Bộ luật Hình sự quy định: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng...*”. Xét thấy bị cáo tàng trữ ma túy với mục đích để sử dụng nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: 01 gói ma túy trong phong bì niêm phong số 1266/GĐKTHS là vật Nhà nước cấm tàng trữ nên tịch thu tiêu hủy. 01 điện thoại di động Nokia màu đen đã cũ là tài sản của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[7] Đối với đối tượng đã bán ma túy cho Phạm Văn T, tài liệu điều tra chưa đủ căn cứ xác định, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố N tách ra để tiếp tục điều tra, xử lý sau là phù hợp với quy định của pháp luật.

[8] Về án phí: Bị cáo Phạm Văn T bị kết án nên phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 21 (Hai một) tháng tù. Thời hạn tù của bị cáo tính từ ngày 11 tháng 12 năm 2020.

2. Xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy số ma túy trong phong bì niêm phong số 1266/GĐKTHS. Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động Nokia màu đen đã cũ nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án (Vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 01 tháng 02 năm 2021).

3. Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Phạm Văn T phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo Phạm Văn T được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án có quyền tự nguyện thi hành hoặc cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Tòa án ND.Tỉnh Nam Định;
- Viện kiểm sát ND.Tỉnh Nam Định;
- Viện kiểm sát NDTP.N;
- Công an TP.N;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP.N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Đức Nguyên

